

DANH SÁCH SV K36
NGÀNH SP ANH NHẬN
HỌC BỔNG KHUYẾN
KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2011
- 2012

Kèm theo Quyết định số
2097/QĐ-ĐHSP ngày
19.10.2012

STT	MSSV	Họ	Tên	Điểm	Số
	V	n	m	m	tiền
				TB	RL
				n	
1	K35.	Phạm	An	3.2	80 15
	701.	m	H	4	00
	001	uỳnh			00
		Vân			0
2	K36.	Nguyễn	Ch	2.8	80 12
	701.	yến	âu	2	00
	003	Thị			00
		Ngọc			0
		c			
3	K36.	Lâm	Diên	3.0	73 12
	701.	Đào	n	6	00
	005				00
					0
4	K36.	Trần	Dũ	3.4	86 15
	701.	Nguyễn	ng	1	00
	006	yến			00
		Trí			0
5	K36.	Nguyễn	Hà	2.5	81 12
	701.	yến	ng	9	00
	009	Thị			00
		Thúy			0
6	K36.	Nguyễn	Hà	2.9	78 12
	701.	yến	ng	5	00
	011	Thanh			00
		h			0
7	K36.	Đinh	Hạ	3.1	85 12
	701.	Trương	nh	8	00
	013	ng			00
		Mỹ			0
8	K36.	Nguyễn	Hải	2.9	84 12
	701.	yến		5	00
	016	Lê			00
		Duy			0
9	K36.	Nguyễn	Hiền	3.1	73 12

	701. yễn n 2	00
	017 Thị	00
	Than	0
	h	
10	K36.Ngu Hiề3.0 86	12
	701. yễn n 3	00
	018 Ngộ	00
	c	0
	Thu	
11	K36.Lại Ho 3.0 80	12
	701. Huy àng5	00
	021	00
		0
12	K36.Phạ Hò 3.2 96	15
	701. m an 9	00
	022 Thị	00
	Khải	0
13	K36.Ngu Hư 2.6 80	12
	701. yễn ơn 8	00
	023 Lê Ng	00
	gọc	0
14	K36.Dươ Kh 2.8 82	12
	701. ng Nanh8	00
	026 gọc	00
	Phươ	0
	ng	
15	K36.Trần Đă 2.7 80	12
	701. Hải ng 9	00
	035	00
		0
16	K36.Trần Ng 2.9 80	12
	701. Thị ân 5	00
	038 Kim	00
		0
17	K36.Ngu Ng 2.6 75	12
	701. yễn ân 7	00
	040 Kim	00
		0
18	K36.Trần Ng 3.5 89	15
	701. Ngu uyê3	00
	045 yễn n	00
	Trin	0
	h	
19	K36.Đoà Ng 2.6 70	12
	701. n uyê9	00
	046 Tóngn	00
	Bừu	0
20	K36.Ngu Nh 2.7 75	12
	701. yễn i 1	00
	049 Thị	00

	Khá	0
	nh	
21	K36. Lý T Qu 3.4 83 15	
	701. rơn ế 4 00	
	061 g Th 00	
	anh 0	
22	K36. Phạ Qu 3.2 83 15	
	701. m H ý 9 00	
	062 uỳnh 00	
	Phú 0	
23	K36. Ngu Tâ 3.4 96 15	
	701. yễn m 4 00	
	066 Thị 00	
	Than 0	
	h	
24	K36. Phạ Tâ 3 83 12	
	701. m N m 00	
	067 gọc 00	
	Diệu 0	
25	K36. Ngu Th 2.9 88 12	
	701. yễn ảo 4 00	
	073 Thị 00	
	Ngu 0	
	yệt	
26	K36. Ngu Th 3.0 76 12	
	701. yễn ảo 9 00	
	074 Thị 00	
	Than 0	
	h	
27	K36. Ngu Th 3.0 73 12	
	701. yễn ảo 5 00	
	075 Đan 00	
	0	
28	K36. Đào Th 3.3 97 15	
	701. Thị ư 5 00	
	077 Min 00	
	h 0	
29	K36. Ngu Th 3.1 81 12	
	701. yễn ươ 8 00	
	079 Thị ng 00	
	Kim 0	
30	K36. Phạ Trâ 3.1 86 12	
	701. m N m 2 00	
	085 gọc 00	
	Quế 0	
31	K36. Trịn Trâ 2.9 75 12	
	701. h Thịn 4 00	
	088 ên 00	
	Kim 0	
32	K36. Trần Tra 3.0 73 12	

	701. Thị ng 3	00
	091 Kiều	00
		0
33	K36. Ngu Tù 3.0 77	12
	701. yễn ng 9	00
	096 Thị	00
	Diệp	0
34	K36. Trần Tú 2.7 80	12
	701. Ngu 1	00
	097 yễn	00
	Cầm	0
35	K36. Lê T Vy 3.2 73	12
	701. hanh 9	00
	100	00
		0
36	K36. Dươ Yế 3.2 81	15
	701. ng N n 9	00
	103 gọc	00
	Hoà	0
	ng	